

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 5 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị N, thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/01/2007. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ nguyên nhân trên, chị N xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung, gồm: Nguyễn Trí T, sinh ngày 07/3/2006 và Nguyễn Chí M, sinh ngày 22/4/2010, do các đương sự đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N

yêu cầu được nuôi cả hai cháu, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Quá trình giải quyết, chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con sau khi ly hôn; chị yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với anh Nguyễn Văn C*: Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh C không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trịnh Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định.

[2] Chị N và anh C tự nguyện chung sống vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/01/2007. Theo chị N, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; từ nguyên nhân trên, chị N xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Anh C không có ý kiến gì quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Xét yêu cầu của chị N, thấy rằng: Hôn nhân của chị N và anh C có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị N yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập xét xử anh C đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh C không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn với anh C là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Quá trình giải quyết, chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con sau khi ly hôn, thống nhất giao Trí T cho anh C và chị yêu cầu được nuôi Chí M, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh C không có ý kiến gì về các nội dung này.

Xét thấy, việc thay đổi việc nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn của chị N, phù hợp với nguyện vọng của Trí T và Chí M; do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi

đường, giáo dục nên giao Trí T cho anh C và Chí M cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị N xác định không có, anh C không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N.
 - Về hôn nhân: Cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.
 - Về con chung: Giao Nguyễn Trí T, sinh ngày 07/3/2006 cho anh C và Nguyễn Chí M, sinh ngày 22/4/2010 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012122 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị N đã nộp xong).
3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn